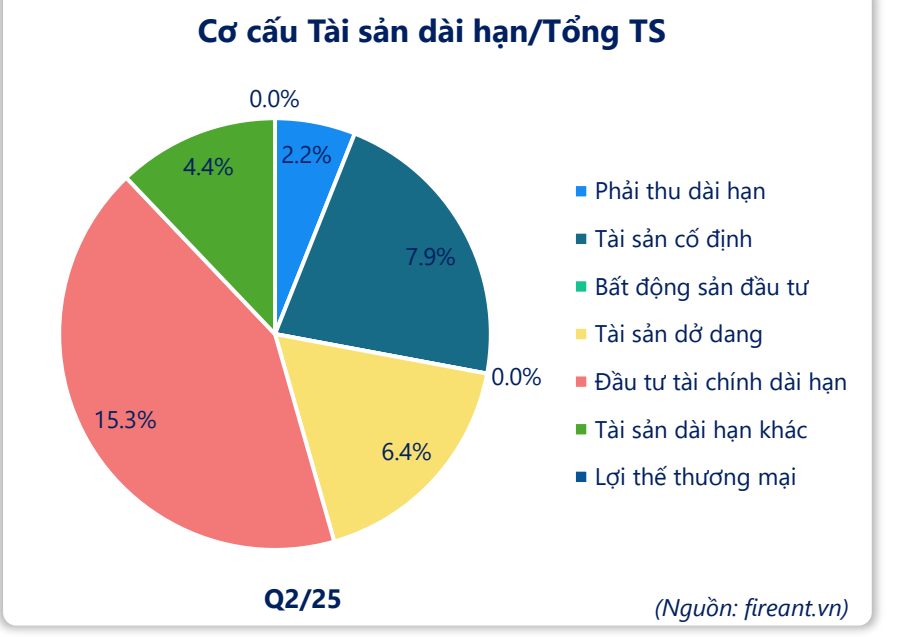
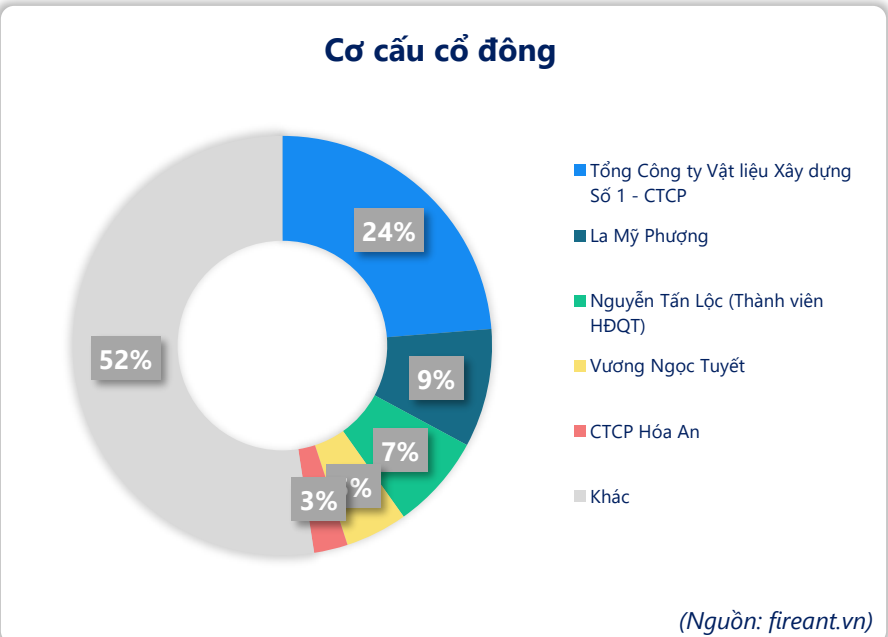
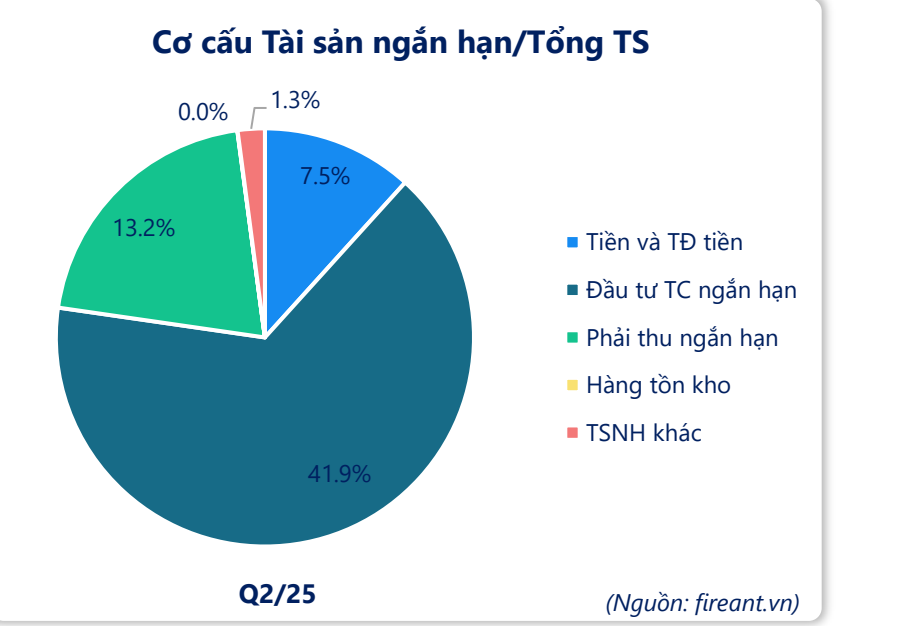
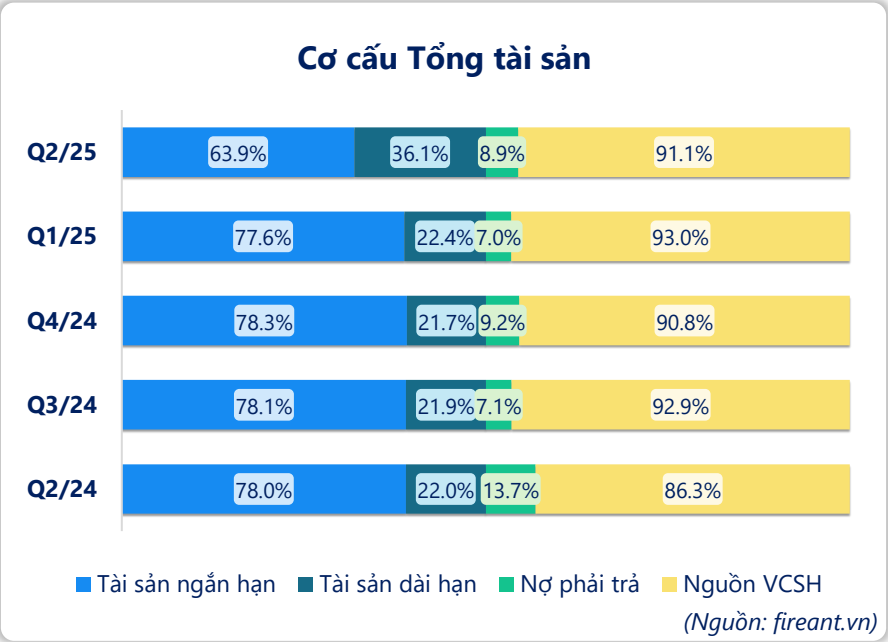
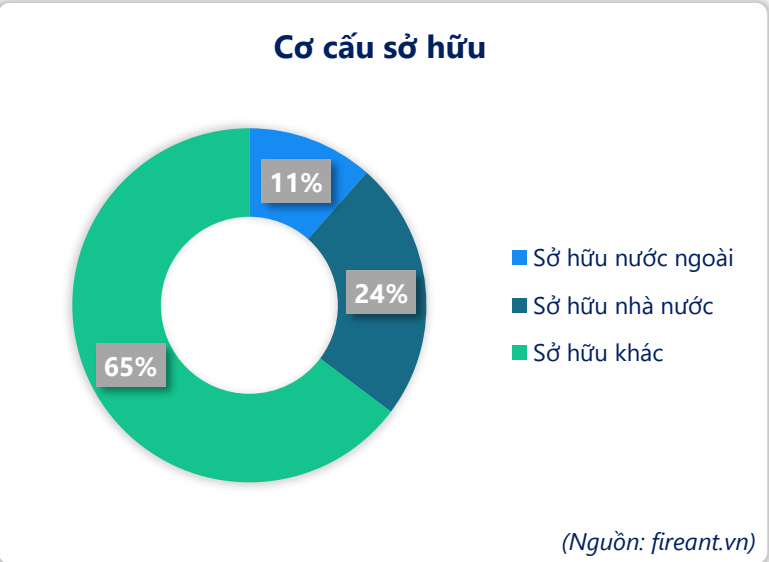
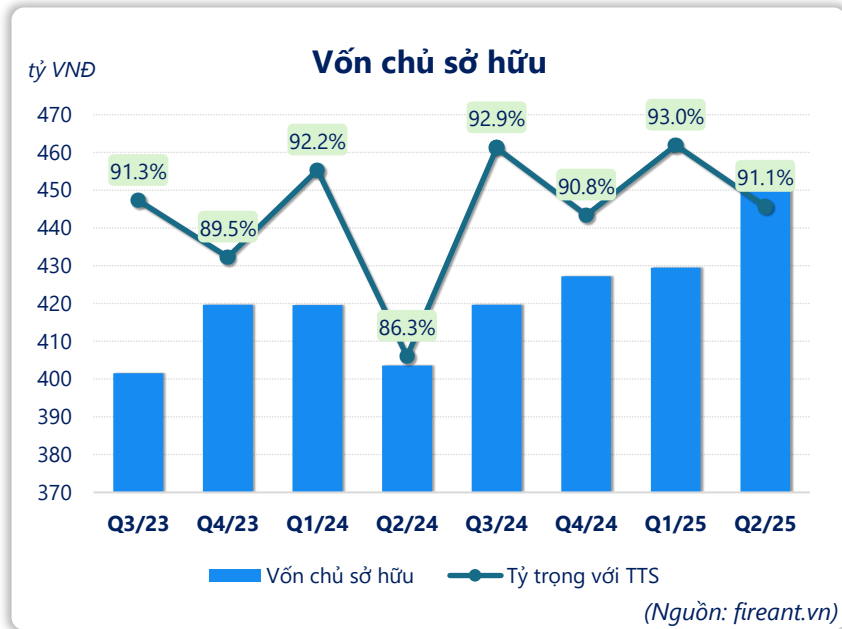
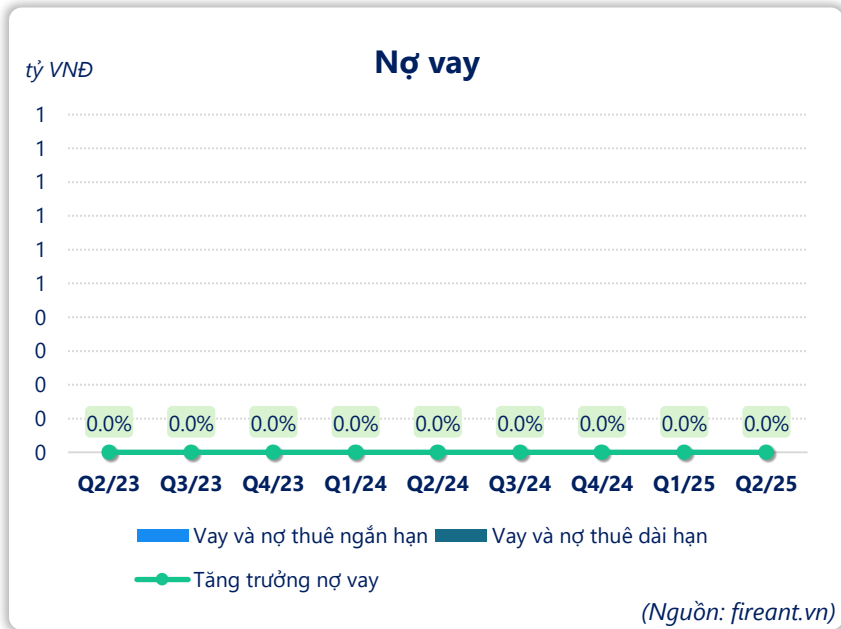
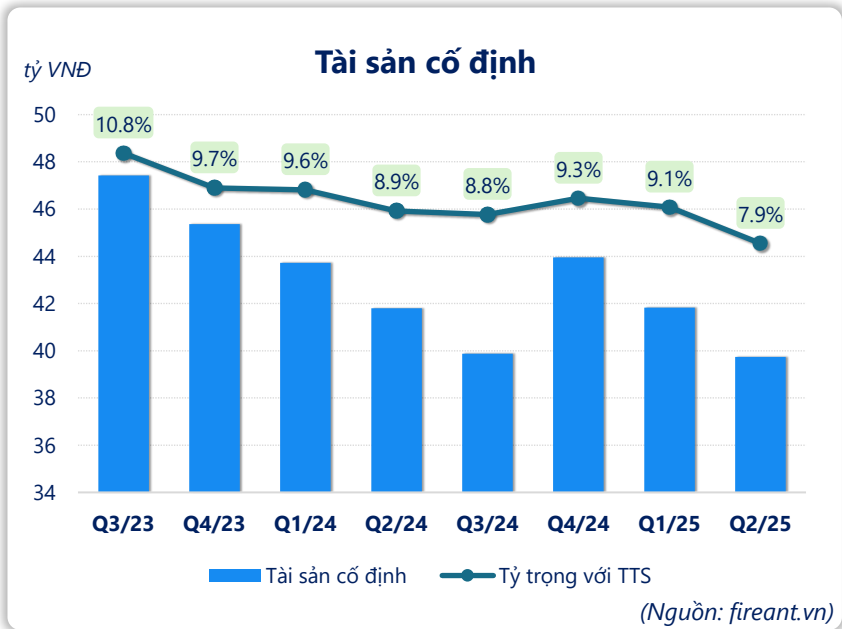
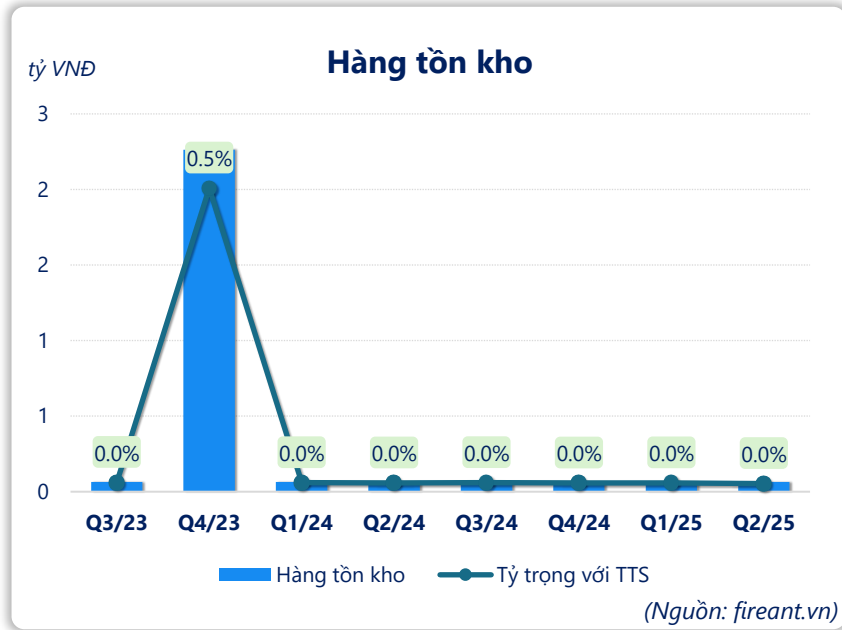
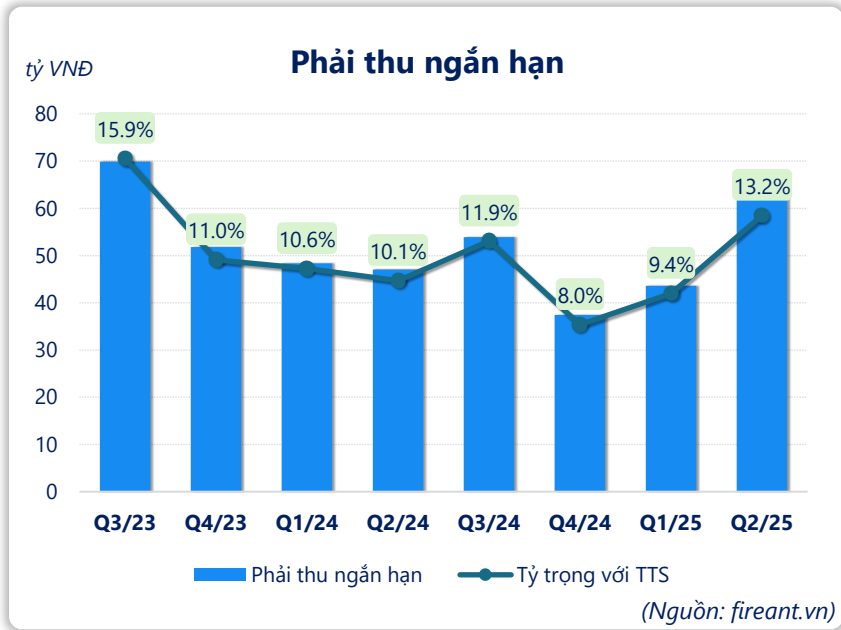
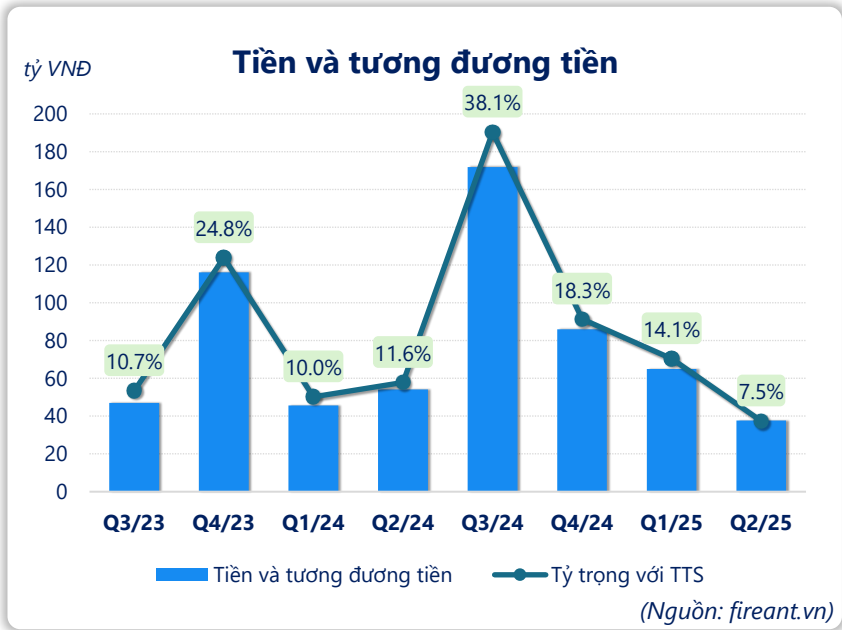
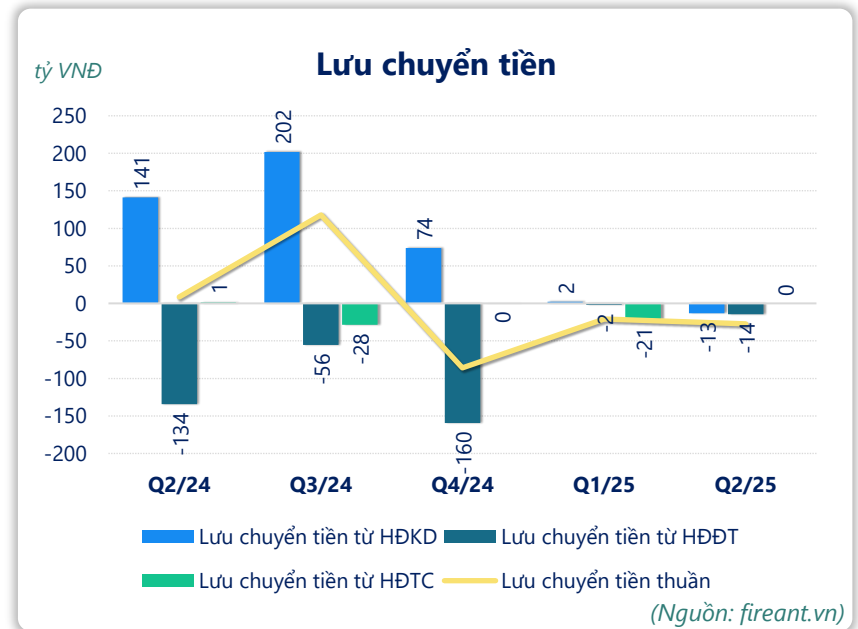
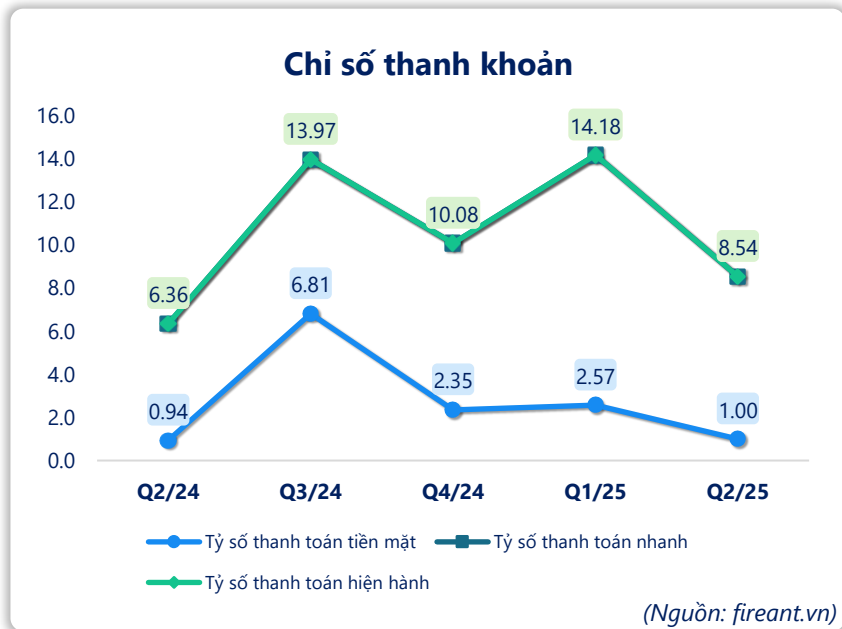
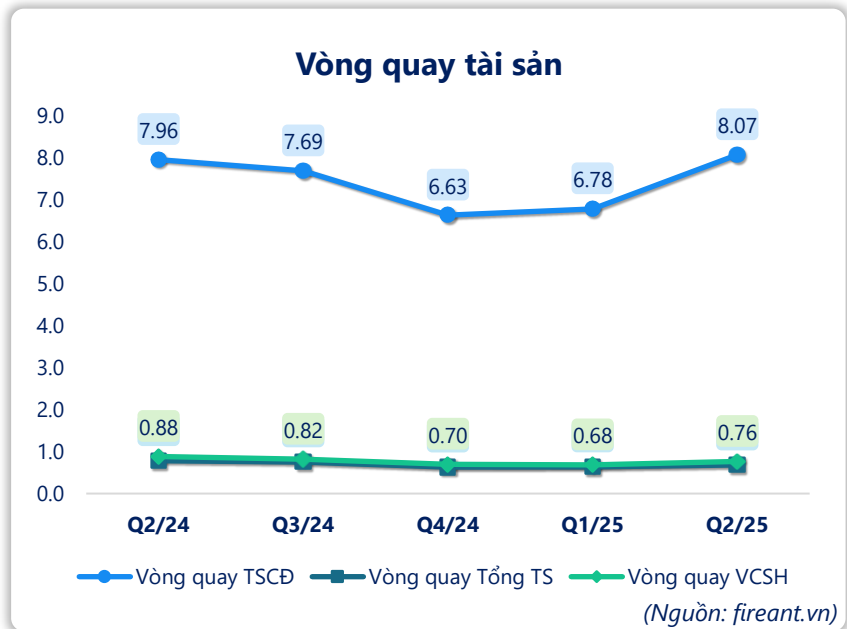
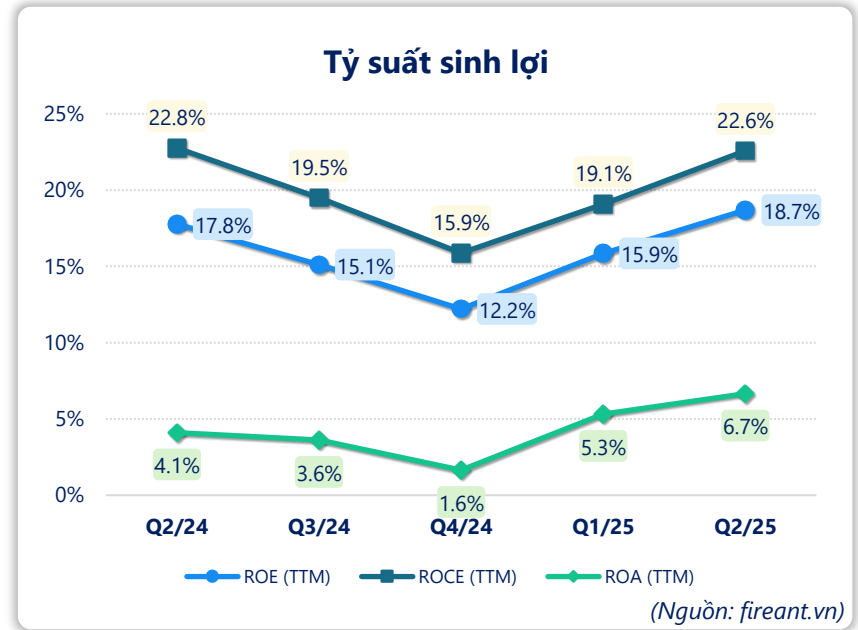
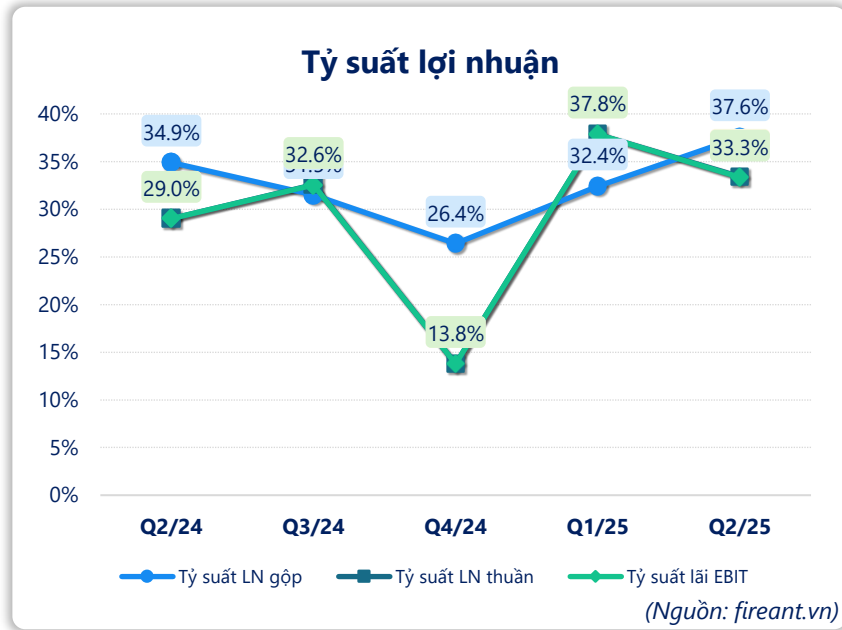
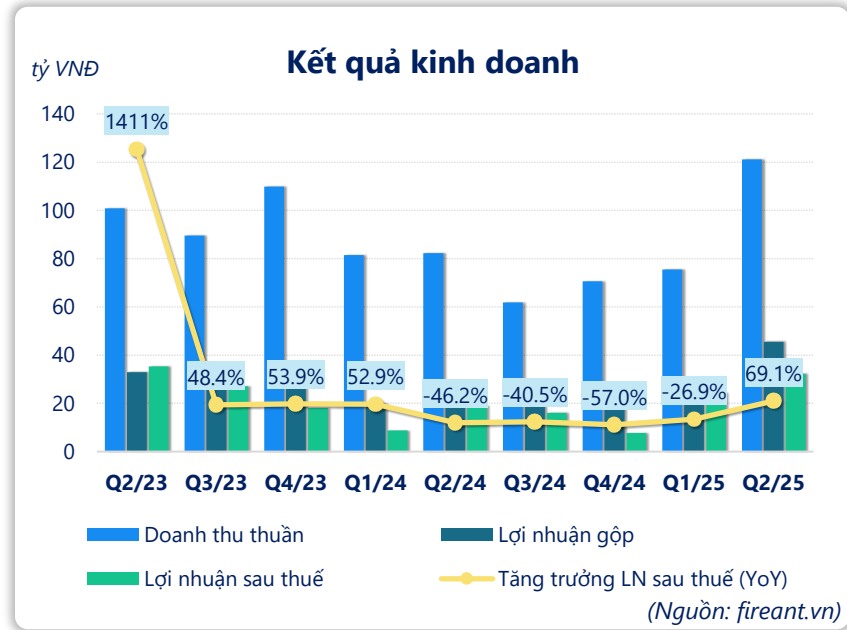


Thông tin giao dịch		30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		43,900
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		42,681
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		33,590
SL cổ phiếu LH		14,726,073
KLGD BQ 20 phiên (CP)		85,160
% sở hữu nước ngoài		11.5%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		646
P/E		8.0
EPS		5,466

	YTD	1T	3T	6T
DHA	7.1%	6.0%	15.8%	4.6%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	502	470	6.8%
Tài sản ngắn hạn	321	368	-12.8%
Tiền và tương đương tiền	37.6	86.0	-56.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	211	240	-12.4%
Phải thu ngắn hạn	66.2	37.4	76.7%
Hàng tồn kho	0.06	0.06	0.0%
Tài sản ngắn hạn khác	6.72	4.54	48.1%
Tài sản dài hạn	181	102	77.6%
Phải thu dài hạn	10.9	10.5	3.8%
Tài sản cố định	39.7	43.9	-9.6%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	32.0	21.1	51.3%
Đầu tư tài chính dài hạn	76.8	0	
Tài sản dài hạn khác	21.9	26.5	-17.2%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	44.8	43.2	3.6%
Nợ ngắn hạn	37.6	36.5	2.9%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	11.4	7.35	55.5%
Nợ dài hạn	7.22	6.72	7.5%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	458	427	7.1%
Vốn chủ sở hữu	458	427	7.1%
Vốn điều lệ	151	151	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	82.3	61.9	70.5	75.5	121
Giá vốn hàng bán	53.6	42.4	51.9	51.1	75.6
Lợi nhuận gộp	28.7	19.5	18.6	24.5	45.5
Doanh thu HĐTC	0.78	4.37	2.29	8.08	2.96
Chi phí TC	0.63	0.09	0.29	0.00	1.78
Chi phí lãi vay	0	0	0	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	5.00	3.61	10.9	3.96	6.19
LN thuần từ HĐKD	23.9	20.1	9.72	28.6	40.5
Lợi nhuận khác	0.00	0.00	0.00	0.00	-0.11
LN trước thuế	23.9	20.1	9.72	28.6	40.4
Lợi nhuận sau thuế	19.1	16.1	7.73	24.4	32.3
LNST của CĐ cty mẹ	19.1	16.1	7.73	24.4	32.3

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	141	202	73.9	2.30	-13.1
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-134	-55.5	-160	-1.91	-14.3
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	1.49	-28.5	-0.20	-21.4	0
Tiền đầu kỳ	45.7	54.0	172	86.0	65.0
Lưu chuyển tiền thuần	8.37	118	-85.9	-21.0	-27.4
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	54.0	172	86.0	65.0	37.6

(Nguồn: fireant.vn)